UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 267 /BC-STP

Đồng Nai, ngày 15 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 8442/STNMT-QH ngày 10/11/2021 về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện chức năng thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung). Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và các văn bản pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Hồ sơ thẩm định

Hồ sơ dự thảo gửi thẩm định bao gồm:

1. Dự thảo: Tờ trình, Nghị quyết.

2. Bản tổng hợp ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết; bản sao văn bản góp ý về dự thảo Nghị quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Văn bản số 444/HĐND-VP ngày 20/8/2021 của Thường trực Hội đồng nhân tỉnh về việc thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết .

II. Nội dung thẩm định

1. Sự cần thiết, tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 quy định việc thu hồi đất để phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng bao gồm trường hợp thực hiện các dự án do Hội đồng nhân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kịp thời các dự án trong năm 2022, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, việc Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai làm cơ sở để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là cần thiết, đúng thẩm quyền và phù hợp theo quy định pháp luật.

2. Về nội dung dự thảo

2.1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị điều chỉnh số thứ tự của kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Tại căn cứ ban hành

- Đề nghị bổ sung các văn bản sau:

"*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;"

- Đoạn *"Xét Tờ trình ...",* đề nghị thống nhất trình bày thời gian ban hành Tờ trình là *"ngày ... tháng ... năm"* .

c) Tại khoản 2 Điều 1, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định rõ các dự án được chuyển từ các năm 2019, 2020, 2021 được thông qua tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh nhưng đến nay chưa hoàn thành thủ tục thu hồi đất trong năm 2021 chuyển sang tiếp tục thực hiện trong năm 2022 cụ thể là bao nhiêu dự án và tổng diện tích đất là bao nhiêu, cơ quan soạn thảo nên nêu trực tiếp tại Nghị quyết để đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nắm rõ thông tin. Đối với các Nghị quyết được liệt kê đề nghị cân nhắc không trình bày Nghị quyết vì đã có phụ lục kèm theo.

d) Tại Điều 2, như dự thảo trình bày được hiểu các dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các năm 2014 đến năm 2018 đến nay chưa được triển khai thực hiện (quá 3 năm) và theo quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung) thì được điều chỉnh hủy bỏ và các dự án với diện tích đất thu hồi được tiếp tục thực hiện. Do đó, để thuận lợi cho việc theo dõi, đề nghị cân nhắc trình bày như sau:

"Điều 2. Các dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua cuối năm 2014, năm 2015, năm 2016, năm 2017 và năm 2018, thực hiện như sau:

1. Hủy bỏ 150 dự án chưa triển khai thực hiện với tổng diện tích thu hồi là 1.483,67 ha *(Phụ lục ... kèm theo).*

2. Chấp thuận cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện 314 dự án với diện tích đất thu hồi là 5.874,16 ha mà các địa phương đang triển khai thực hiện (*Phụ lục ... kèm theo).*"

Đồng thời, căn cứ khoản 8 Điều 49 Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung) quy định *"Diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được công bố phải thu hồi để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất mà sau 03 năm chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh, hủy bỏ và phải công bố việc điều chỉnh, hủy bỏ việc thu*

hồi hoặc chuyển mục đích đối với phần diện tích đất ghi trong kế hoạch sử dụng đất." Theo đó, đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, giải trình việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận tiếp tục thực hiện các dự án đã quá 03 năm nêu trên thì có đảm bảo về mặt pháp lý theo quy định.

Mặt khác, đối với các dự án quá 3 năm được tiếp tục thực hiện trong năm 2022, đề nghị cơ quan soạn thảo cần xem xét xác định các tiêu chí và quan điểm để làm cơ sở đề xuất, tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục thông qua.

e) Tại Điều 3

- Đề nghị trình bày tổng hợp nội dung khoản 2 chung với khoản 1 vì cùng thể hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, theo đó nội dung tại khoản 2 nên gọn lại vì công tác chỉ đạo, điều hành do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không cần thiết quy định chi tiết Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, thông báo đến cấp huyện hay giao nhiệm vụ phải làm như thế nào. Vì vậy, để phù hợp hơn đề nghị cân nhắc trình bày như sau:

"1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; tăng cường chỉ đạo hoàn thành việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đảm bảo việc sử dụng đất đảm bảo theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất".

- Tại khoản 3, đề nghị trình bày đầy đủ cụm từ "Hội đồng nhân dân tỉnh".

- Đề nghị trình bày đầy đủ cụm từ thời gian "ngày...tháng...năm..." thay cho "ngày../../..".

g) Tại Nơi nhận, đề nghị bỏ "Báo Lao động Đồng Nai, Trung tâm Công báo tỉnh; bổ sung "Cổng Thông tin điện tử tỉnh". Đồng thời, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung *"viết tắt tên người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành*" theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

h) Tại phần ký ban hành, đề nghị bỏ "**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN",** xác định chính xác thẩm quyền ký là **"CHỦ TỊCH".**

i) Đánh số trang: Căn cứ Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo *đặt số trang canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên* của dự thảo Nghị quyết, phụ lục Danh mục kèm theo. Lưu ý, đánh số trang riêng đối với từng phụ lục.

k) Tại phụ lục kèm theo

- Đề nghị bổ sung đoạn in nghiêng dưới tiêu đề các phụ lục, cụ thể:

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2021/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

- Đề nghị phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương rà soát, xác định tên các danh mục dự án thu hồi đất đảm bảo thống nhất với nội dung viện dẫn tại dự thảo Nghị quyết; rà soát chính xác tên, địa điểm đối với từng dự án cụ thể tại các phụ lục, phù hợp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tình hình thực tế của địa phương.

- Đề nghị rà soát, bổ sung cơ sở pháp lý thu hồi đất của một số dự án, việc dùng *"Dự kiến ghi vốn trong năm Kế hoạch 2022", "Dự kiến vốn", "Có Kế hoạch bố trí vốn"* hoặc *"Văn bản chấp thuận, thỏa thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh*" ... làm cơ sở pháp lý là chưa đảm bảo tính chặt chẽ về mặt pháp lý.

- Đề nghị không đánh số trang thứ nhất của các phụ lục.

2.2. Đối với dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị thực hiện đảm bảo theo mẫu số 03 phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

"I. Sự cần thiết ban hành

II. Mục đích, quan điểm

III. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

IV. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

V. Những vấn đề xin ý kiến (nếu có)".

b) Tại mục I, bên cạnh trình bày các cơ sở pháp lý ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đánh giá thêm nội dung về sự cần thiết, trong đó cần đề cập, làm rõ các nguyên nhân việc cần thiết tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục thu hồi đất (đặc biệt là các dự án chậm tiến độ cần tiếp tục thực hiện trong năm 2022); việc thông qua các danh mục thu hồi cũng là cơ sở cho các địa phương cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm; cũng như đánh giá tới hiệu quả, tính khả thi của việc ban hành Nghị quyết đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà để từ đó làm rõ sự cần thiết phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

c) Tại mục III, về quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày đầy đủ hơn (bổ sung thủ tục lấy ý kiến góp ý của các Sở, ban, ngành, địa phương và thủ tục thẩm định của Sở Tư pháp). Mặt khác, những dự án tại dự thảo Nghị quyết được tổng hợp nhu cầu từ các địa phương, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụ thể kết quả việc thực hiện lấy ý kiến của các địa phương liên quan, đảm bảo tính khả thi, khách quan từ các địa phương có dự án.

d) Đối với nội dung đánh giá kết quả thực hiện tại mục IV, đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày nội dung thành Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các Nghị quyết thu hồi đất đã ban hành trước đây, trên cơ sở kết quả báo cáo để xây dựng nội dung tại mục I về sự cần thiết ban hành Nghị quyết, đặc biệt đối với những dự án tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị được thực hiện tiếp cho năm 2022.

Đồng thời, sau khi nghiên cứu nội dung mục IV.1, IV.2 dự thảo Tờ trình, Sở Tư pháp nhận thấy kết quả thực hiện các dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các năm trước đây thì tỷ lệ đang và chưa thực hiện còn chiếm số lượng khá nhiều.

Sở Tư pháp đề nghị đánh giá cụ thể thực trạng những dự án chậm triển khai thực hiện *(nguyên nhân dẫn đến việc chậm triển khai, những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan chức năng trong việc rà soát, thu hồi đất đối với những dự án đã được giao đất, cho thuê đất triển khai chậm tiến độ, vi phạm pháp luật).* Trên cơ sở đó, đề xuất biện pháp xử lý; giám sát, đôn đốc việc thu hồi các dự án có quyết định thu hồi; giám sát các địa phương về việc xác định khối lượng thực hiện, đảm bảo tính khả thi khi đề xuất trình thông qua danh mục các dự án thu hồi đất trong năm 2022 cũng như những năm tiếp theo.

e) Tại mục V dự thảo, đề nghị rà soát lại đảm bảo đầy đủ, thống nhất với nội dung tại Điều 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết, tại nội dung Tờ trình mới chỉ thể hiện được Danh mục thu hồi đất năm 2022, các dự án thông qua trong các năm trước tiếp tục được thực hiện, còn đối với các dự án được hủy bỏ thì dự thảo chưa đề cập, thể hiện tại nội dung, đề nghị nghiên cứu, bổ sung đầy đủ, thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết thông qua.

g) Trên cơ sở ý kiến góp ý đối với dự thảo Nghị quyết đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình. Đồng thời lưu ý số liệu thống nhất giữa dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết.

h) Đề nghị bổ sung đầy đủ hồ sơ văn bản đính kèm theo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung) làm cơ sở để các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra.

i) Tại Nơi nhận, đề nghị xác định chính xác tên các phòng, ban thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

k) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lỗi chính tả, thống nhất trình bày thứ tự các mục, khoản, điểm thống nhất trong toàn bộ nội dung dự thảo.

l) Tại phụ lục kèm theo, tương tự ý kiến đối với phụ lục kèm theo dự thảo Nghị quyết, đề nghị rà soát, hoàn chỉnh.

III. Kết luận

Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến kết luận như sau:

1. Dự thảo Nghị quyết về Danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai phù hợp về thẩm quyền theo quy định, đủ điều kiện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các ý kiến không tiếp thu phải được giải trình rõ lý do.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 tỉnh Đồng Nai, đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- VP. UBND tỉnh (p/h);
- Giám đốc Sở; các PGĐ Sở;
- TTTĐT Sở;
- Lưu: VT, XDPBPL.

(Hai -TĐ)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Quang Tuấn